



Lý luận Thiên Tông

trong Thập mục Ngưu đồ

● NGUYỄN ĐỊNH

Các bức tranh chẵn trâu được sáng tạo từ thời nhà Tống ở Trung Quốc (960 - 1279) ngay từ ban đầu nó đã được xem như những bức họa tiêu biểu, trình bày về tinh hoa của học phái Phật giáo Thiên tông - Trung Hoa. Mười bức tranh Thập Mục Ngưu Đồ của Thiên tông tương ứng với quá trình hành đạo của một người phát nguyện đạt đến sự giác ngộ và bên trong nó ẩn dấu những tinh hoa của Phật giáo Đại thừa. Sau khi Phật giáo được truyền nhập vào Việt Nam thì một số Hòa thượng với kiến thức Hán học uyên thâm đã chuyển đổi nội dung và các hành văn phù hợp với sự nhận thức của người Việt đối với Thập Mục Ngưu Đồ.

Các tác giả sáng tạo nên bộ tranh đã mượn hình ảnh chẵn trâu để diễn tả về quá trình “*minh tâm thấy tính*” tức “*con trâu*” là cái bản ngã của ta được ví như một vật. Nguồn gốc của môn phái Thiên tông lại chính là nằm ở khái niệm “*tri hữu*” tức nhận biết về sự tồn tại của vật đó. Một khi ta đã minh tâm thấu tính tức là ta đã trở thành Phật là ý niệm nằm sâu trong hình ảnh chẵn trâu. Chúng ta cần biết rằng về lý đó là quá trình đốn ngộ và sự đốn ngộ dần dần tan hết, về sự đó là những việc cần loại bỏ từ từ rồi lần lượt ta sẽ đến tận cùng của nó. Gọi là chỉ hiểm mang máng một sự ở quá khứ giống như con người ta sinh ra ở trần thế 10 tháng trong bụng mẹ, ba năm tập đi cái công đó của cha mẹ lẽ nào một chốc ta lại thoáng quên hay sao. Tuy nhiên với những bậc trí lượng hơn người mới biết đâu là sự việc cần yên định để cho mọi vấn đề không lẫn vào như mới mong gỡ ra được. Dưới đây xin đăng lại mười bài thơ nguyên gốc của các tác giả Trung Quốc và thơ cách điệu về Thập Mục Ngưu Đồ của các vị Hòa thượng Việt Nam đời trước để độc giả suy ngẫm.

BỨC TRANH THỨ NHẤT



尋牛

茫茫撥草去追尋。
水闊山遙路更深。
力盡神疲無處覓。
但聞風樹晚吟吟。

Tìm trâu được ví như quá trình ta tham vấn về Thiền đạo giống như khi ta bị lạc vào nơi sơn cùng thủy tận không thể thấy đâu là đường. Lúc này ta đâu thể thoái lui đồng thời các sự việc của phàm trần đến chỗ cùng cực tất biến thông. Ta cần biết rằng tận cùng cái lý “vật cùng tắc biến” được thấu suốt bằng một câu thơ “Liễu ám hoa minh riêng một thôn”.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch)
Hung hăng đầu sừng nộ xung thiên.
Băng qua khe lạch khắp sơn điền.
Một mảnh mây đen ngang hang thẳm.
Nào biết dò bước cỏ hoa phiên.

Thơ chữ Hán dịch Việt:

1. TẦM NGƯU

Mang mang bát thảo khứ truy tầm
Thủy khoát sơn dao lộ cánh thâm
Lục tận thần bì vô xứ mịch
Đãn văn phong thụ văn thiên ngâm
Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thẳm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhỏi tìm chẳng thấy
Thoáng nghe trong gió tiếng ve sầu.

BỨC TRANH THỨ HAI



見跡

水邊林下跡偏多。
芳草離披見也麼。
縱是深山更深處。
遼天鼻孔怎藏他。

Thấy dấu vết của con trâu tức hàm ý cái cách chăn trâu cần ràng buộc con trâu theo sự tùy nghi nhưng phải có chủ đích nhất định, không được bất cập hoặc thái quá thì nó mới có sự vận động theo chiều hướng tốt. Vội vàng sẽ hỏng việc bởi vì người hay vội vàng sẽ trở nên cố chấp. Hay quên cũng không được bởi vì người hay quên sẽ lẫn về đường lối. Tóm lại người học Thiền cần phải kiên trì quan sát, suy ngẫm rồi từng bước tiến theo con đường đúng đắn thì con trâu mới dễ dàng sai khiến. Nếu không làm được thì con trâu sẽ đứng ý ra rất khó chế phục nó.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
Ta mang dây thừng xuyên mũi trâu.
Tức giận ra roi hể gì đầu.

Từ xưa tính búng khó điều trị.
May nhờ trẻ đồng gắng sức mầu.

Thơ chữ Hán dịch Việt

2. KIẾN TÍCH

Thủy biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo li phi kiến dã ma
Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ
Liêu thiên tị khổng chắm tàng tha
Ven nùng bến nước dấu liền hồi
Vạch cỏ giế cây thấy được thôi
Ví phải thâm sơn lại cùng cốc
Ngát trời lỗ mũi hiện ra rồi.

BỨC TRANH THỨ BA



見牛

黃鶯枝上一聲聲。
日暖風和岸柳青。
只此更無迴避處。
森森頭角畫難成。

Thấy trâu hàm ý sau khi cố gắng điều phục ở bản thân đã khiến con trâu đi vào đúng đường. Trên con đường đó ta cần dần dần cho con trâu thích nghi với một số quy tắc nhất định. Kể từ giai đoạn này cần chớ có thái độ phóng túng mới không bị mắc vào lầm lỗi.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
Khoan thả chế phục lại canh tân.
Vượt thủy, xuyên mây bước trong trần.
Tay cầm thừng kia đầu tri hoãn.
Mục đồng cuối ngày mệt quên dần.

Thơ chữ Hán dịch Việt

3. KIẾN NGƯU

Hoàng oanh chi thượng nhất thanh thanh
Nhật noãn phong hoà ngạn liễu thanh
Chỉ thử cánh vô hồi tị xứ
Sâm sâm đầu giác hoạch nan thành
Hoàng anh cất tiếng hót trên cành
Nắng ấm gió hoà bờ liễu xanh
Chỉ thế không nơi xoay trở lại
Đầu sừng rành rõ vẽ khôn thành

BỨC TRANH THỨ TƯ

Bắt trâu mang ý nghĩa là sự quay đầu chuyển hướng ý



得牛

竭盡神通獲得渠。
心? 力壯卒難除。
有時才到高原上。
又入煙雲深處居。

ngihtở lại bởi vì ý nghĩ mang nội dung khác nhau ở vào các thời điểm khác nhau do vậy ta luôn có cách nhìn nhận trở lại vấn đề mới không bị lạc hướng. Tuy nhiên sự nhìn nhận lại này không có nghĩa là bê hết toàn bộ nội dung tư tưởng và hành động trong quá khứ tái hiện lại. Nếu ta không biết nhìn nhận lại thì ta không thể xuất thế được đồng thời từ sự giác ngộ ban đầu ta lại chấp vào cõi mê vì vướng vào cõi hôn mang để quên hết bản gốc. Sự chấp mê có lý do của nó nếu không thấu hiểu sẽ thành lỗi.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Ngày trước dày công biết quay đầu.
 Cuồng sức phí lực chẳng về đâu.
 Mực đồng chưa thả đã ung thuận.
 Lại đem giây thừng buộc vào trâu.

Thơ chữ Hán dịch Việt

4. ĐẮC NGƯU

Kiệt tận thần thông hoạch đắc cử
 Tâm cường lực tráng tốt nan trừ
 Hữu thời tài đáo cao nguyên thượng
 Hựu nhập yên vân thâm xứ cư
Dùng hết thần công bắt được y
Tâm hùng sức mạnh khó khăn gì
Có khi vừa hướng cao nguyên tiến
Lại xuống khók mây mãi mãi ì

BỨC TRANH THỨ NĂM



牧牛

鞭索時時不離身。
 恐伊縱步惹埃塵。
 相將牧得純和也。
 羈鎖無拘自逐人。

Chăn trâu mang hàm ý cần phải luôn quan tâm bồi dưỡng công sức tu luyện Thiền học qua năm tháng. Sinh khí dần dần thành thực, sự thành thực lại tạo ra sinh khí tu học mới để loại bỏ hết các thói quen cũ. Chỉ có như vậy công lao gắng rèn về tinh mới hiển đạt được. Tự bản thân thấy có sự biến hóa khí chất mới thực chứng được tư duy.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Ngồi bên rặng liễu khe lạch xưa.
 Bỏ cũ đón mới mấy cũng vừa.
 Ngày trước mây xanh nơi hoa cỏ.
 Mực đồng quay về chẳng cần đưa.

Thơ chữ Hán dịch Việt

5. MỤC NGƯU

Tiên sách thời thời bất li thân
 Khủng y tủng bộ nhạ ai trần
 Tướng tương mực đặc thuần hoà dã
 Kì toả vô câu tự trực nhân
Nắm chặt dây roi chẳng lia thân
Ngại nó chạy rong chốn bụi trần
Chăm chăm chăn dữ thuần hoà dã
Dây mũi buông rồi vẫn theo gần

BỨC TRANH THỨ SÁU



騎牛歸家

騎牛沫汁欲還家。
 霞笛聲聲送晚霞。
 一拍一歌無限意。
 知音何必鼓唇牙。

Sau một thời gian thuần hóa, các tận quán cũ đã dần dần loại bỏ hết nên có thể tự do tự tại với tư duy nghĩ sâu về đạo. Kể từ đó nhất cử nhất động theo nghi thức không hề tổn phí tâm công. Tự nhiên ta hài hòa với đạo lớn tự nhiên không xưa không nay để gạt hái sự hoan hỷ.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 An nhàn lạc địa thỏa ý xưa.
 Há cầu roi da để cho chừa.
 Mực đồng an tọa dưới tùng bách.
 Khúc sáo thanh bình vắng tiếng đưa.

Thơ chữ Hán dịch Việt

6. KỊ NGƯU QUY GIA

Kị ngưu mặt trấp dục hoàn gia
 Hà dịch thanh thanh tống văn hà
 Nhất phách nhất ca vô hạn ý
 Tri âm hà tất cổ thần nha
Cưỡi trâu thong thả trở về nhà
Tiếng sáo vi vu tiễn chiếu tà
Một nhịp một ca vô hạn ý
Tri âm nào phải động môi a

BỨC TRANH THỨ BẢY



忘牛存人

騎牛已得到家山。
 牛也空兮人也閑。
 紅日三竿猶作夢。
 鞭繩空頓草堂間。

Nay ta như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh, quá khứ - tương lai không hề vấy đục bản tâm thanh tịnh. Chuyên tâm ta quy về đạo lớn, nhất cử nhất động đâu đâu cũng hợp ý của đạo. Các suy tư về đạo ở lúc ban đầu dần dần tan hết, thành ý không hề tan mất để tạo ra một sự chuyển biến mới về chất trên con đường tu thiền.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Gió xuân rặng liễu lúc triều dương.
 Hương cỏ nồng khắp chốn thảo đường.
 Chay tịnh qua bữa tùy thời nghỉ
 Mực đồng say giấc chẳng vấn vương.

Thơ chữ Hán dịch Việt

7. VONG NGƯU TỒN NHÂN

Kị ngưu dĩ đắc đáo gia san

Ngưu dã không hề nhân dã nhàn
 Hồng nhật tam can do tác mộng
 Tiên thăng không đốn thảo đường gian
Cưỡi trâu về thẳng đến gia trang
Trâu đã không rời người cũng nhàn
Trời lên ba sào vẫn say mộng
Đầy roi dẹp bỏ bên cạnh sàng

BỨC TRANH THỨ TÁM



人牛? 忘
 鞭索人牛盡屬空。
 碧天遼闊信難通。
 紅爐? 上爭容雪。
 到此方能合祖宗。

Con trâu là hình ảnh con đường tu Thiền của ta chăng? Ta đi chăn trâu, trâu là ta hay ta là trâu? Tùy vào sự lãng quên để tan dần hình tích giống như mây trên trời xanh hay nước ở trong bình. Nội thiền đã đặc uyên thâm hẳn tâm ta thành Phật ấn rồi tùy vào sự dung hợp đó để ta không phải bận nghĩ về bất cứ vấn đề nào cả.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Trâu trắng đang bay chốn mây xanh.
 Ta bản vô tâm cùng trâu hành.
 Mây trắng cùng trắng mây biến ảnh.
 Trắng ngời mây trắng cảnh sắc thanh.

Thơ chữ Hán dịch Việt

8. NHÂN NGƯU CÂU VONG

Tiên sách nhân ngưu tận thuộc không
 Bích thiên liêu khoáng tín nan thông
 Hồng lô diễm thượng tranh dung tuyết
 Đáo thủ phương năng hợp tổ tông
Roi gậy, người trâu thấy đều không
Trời xanh thăm thẳm tin chẳng thông
Lò hồng rùng rục nào dung tuyết
Đến đó mới hay hiệp tổ tông

BỨC TRANH THỨ CHÍN



返本還源
 返本還源已費功，
 爭如直下若盲聾。
 庵中不見庵前物，
 水自茫茫花自紅。

Khi đạt tới cảnh giới vô nhân, vô ngã thì con trâu chẳng thấy đâu nữa. Khi ta đã vô tâm, vô sự thì hà tất còn cần phải cầu điều gì nữa. Kể từ đó ta có thể đạt tới tự do tự tại vô biên an lạc mà không hề sầu muộn. Đạt tới được cảnh giới đó hẳn ta sẽ thấy ánh sáng lung linh của đạo lớn, giải thoát mọi xiềng xích của căn trần.

Một khi đã hé lộ chân tướng thực của đạo hẳn ta cũng chẳng hề bị ràng buộc vào ngôn ngữ của kinh kệ, tâm tính không hề vấy tạt, tự tại viên thành, tất khó dời bỏ duyên Phật vậy.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Một mảnh mây trắng cảnh dần tan
 Trâu - người cùng lạc, mục đồng nhàn.
 Vỗ tay cao hát dưới trăng sáng.
 Quay lại duy nhất một ái quan.

Thơ chữ Hán dịch Việt

9. PHẢN BẢN HOÀN NGUYÊN

Phản bản hoàn nguyên dĩ phí công
 Tranh như trực hạ nhược manh lung
 Am trung bất kiến am tiền vật
 Thủy tự mang mang hoa tự hồng
Phản bản hoàn nguyên đã phí công
Đâu bằng thẳng đó tự mù cam
Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
Nước tự minh hồng hoa tự hồng

BỨC TRANH THỨ MƯỜI



入塵垂手
 露胸跣足入? 來，
 抹土? 灰笑滿腮。
 不用神仙真秘訣，
 直教枯木放花開。

Khi cảnh sắc trâu và người đều tan biến hết, việc lý luận biện bác về việc đó cũng vô ích. Duy nhất một pháp giới và pháp giới là một thực thể. Với thành tựu đại viên mãn thì đó chính là trần thường ở cõi Niết Bàn, thực an lạc, thực là ta, thực thanh tịnh. Kể từ đời nhà Đường trở về trước các Hòa thượng Thiền tông đã truyền dạy cho các lớp học trò về nguyên lý "trực chỉ nhân tâm" "kiến tính thành Phật". Nhưng đến các đời sau này, pháp cụ truyền dạy về tôn chỉ đó càng ngày càng sa sút, sự tin tưởng vào bản tâm ngày càng mờ nhạt nên học phái Thiền tông ở Trung Hoa không có bước phát triển nào mới thêm. Các khái niệm về "viên ngộ" và "đại tuệ" đều do các nhân tài trong giới Phật giáo đời sau khởi xướng nhưng việc thích nghi với các khái niệm đó như thế nào? Chúng ta cần phải có những suy nghĩ thấu đáo về vấn đề đó.

Thơ nguyên gốc (tạm dịch):
 Trâu - người không biết đã về đâu.
 Vạn tượng tỏa sáng chẳng cần cầu.
 Ví thử tìm ra đâu là ý
 Cổ hoa tiên cảnh trắng sắc mầu.
 Thơ chữ Hán dịch Việt

10. NHẬP TRIỂN THUY THỦ

Lộ hung tiền túc nhập triển lai
 Mạt thổ đồ khô tiểu mãn tai
 Bất dụng thần tiên chân bí quyết
 Trực giáo khô mộc phóng hoa khai
Chân trần bày ngực thẳng vào thành
Tô đất trét bùn nộ cười thanh
Bí quyết thần tiên đâu cần đến
Cây khô cũng khiến nở hoa lành